

Số: 79/2019/QĐST-HNGĐ

Lạng Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 438/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+Nguyên đơn: ông Lương Văn H, sinh năm 1965

+Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969

Đều cư trú: Thôn Th, xã DĐ, huyện LG, tỉnh BG

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: anh Lương Thái H, sinh năm: 1990;
Địa chỉ: Thôn Th, xã DĐ, huyện LG, tỉnh BG

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. anh Lương Thái H, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn Th, xã DĐ, huyện LG, tỉnh BG

2. UBND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Địa chỉ: thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ngh - Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ng - Phó trưởng phòng TNMT huyện Lạng Giang

3. UBND xã DĐ, huyện LG; Địa chỉ: xã DĐ, huyện LG, tỉnh BG

Đại diện theo pháp luật: Ông Lương Mạnh D - Chủ tịch UBND xã DĐ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Ông Lương Văn H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 635,3 m² tại thôn Th, xã DĐ, huyện LG, tỉnh BG. Trong đó:

+ Giao cho ông H được quyền sử dụng phần diện tích đất bằng 250,3 m², loại đất ở, tại thửa số 174, tờ bản đồ số 28 thuộc thôn Th, DĐ, LG, BG đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540474 ngày 29/12/2005 cho hộ ông Lương Văn H và bà Nguyễn Thị T. Thửa đất có các cạnh: Cạnh phía Tây giáp đường thôn dài 10,6m; Cạnh phía Nam giáp phần đất ở giao cho bà Nguyễn Thị T và anh Lương Thái H dài 20,5m; Cạnh phía Đ giáp phần đất ao tạm giao cho anh H (thửa 175, tờ bản đồ 28) dài 12,7m; Cạnh phía Bắc giáp đất một phần nhà bà Trần Thị T và bà Vũ Thị B, một phần giáp đất ao (thửa đất 333, tờ bản đồ 28) dài 20,2m. Trị giá đất là: 150.180.000 đồng.

+ Tạm giao cho ông Lương Văn H tiếp tục quản lý phần đất ao (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tại thửa số 333, tờ bản đồ 28, diện tích là 117,7m² ở thôn Th, xã DĐ, huyện LG, có các cạnh: phía Tây dài 6,3m; phía Nam dài 14,7m; phía Đông dài 9,6m; phía Bắc dài 12,2m. Trị giá tài sản là: 3.884.100 đồng.

+ Tạm giao cho ông Lương Văn H tiếp tục quản lý một phần đất ao (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thuộc thửa số 175, tờ bản đồ số 28 có diện tích là 267,3 m² ở thôn Th, xã DĐ, huyện LG, có các cạnh: Phía Tây giáp đất ở giao cho ông Hợp dài 12,7m; phía Nam giáp phần diện tích đất ao giao cho bà Nguyễn Thị T, anh Lương Thái H dài 23,1m; phía Đông giáp đất ruộng; Phía Bắc giáp đất ruộng. Trị giá đất là: 8.820.900 đồng.

(Hiện trạng đất ở và đất ao giao cho ông Hợp như sơ đồ đo vẽ kèm theo)

Ông Hợp được sở hữu số tiền 20.000.000 đồng do bà T, anh H trích trả.

Tổng giá trị tài sản ông H được hưởng là 182.885.000 đồng (một trăm tám mươi hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

[2]. Bà Nguyễn Thị T, anh Lương Thái H được quản lý, sử dụng diện tích đất 589,6 m² tại thôn Th, xã DĐ, huyện LG, tỉnh BG. Trong đó:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị T, anh Lương Thái H được quyền sử dụng diện tích đất 305,2 m², loại đất ở thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 28 thôn Th, DĐ, LG, BG đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 540474 ngày 29/12/2005 cho hộ ông Lương Văn H và bà Nguyễn Thị T. Thửa đất có các cạnh: phía Tây giáp đường thôn dài 15,5 m; phía Nam giáp nhà văn hóa thôn dài 19,9 m; phía Đông giáp diện tích đất ao (thuộc thửa 175, tờ bản đồ 28) dài 15,23 m; phía Bắc giáp diện tích đất giao cho ông H dài 20,5 m. Trị giá đất là: 183.120.000 đồng.

+ Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T, anh Lương Thái H tiếp tục quản lý một phần đất ao (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có diện tích 284,4 m² tại thửa đất 175, tờ bản đồ 28 tại thôn Th, xã DD, huyện LG, tỉnh BG, có các cạnh: Phía Tây giáp đất ở giao bà T, anh H dài 15,23m; phía Nam giáp đất của anh Hà Văn Ph dài (5,8+3,5+10,3+2,5+3,5)m; phía Đông giáp đất ruộng; Phía Bắc giáp đất ao tạm giao cho anh H dài 23,1m. Trị giá đất là: 9.385.200 đồng.

(Hiện trạng đất ở và đất ao giao cho bà T, anh H như sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Bà T, anh H được sở hữu số tiền 30.000.000 đồng và có nghĩa vụ trích trả cho ông H số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà T, anh H được hưởng là 222.505.200 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm linh năm nghìn hai trăm đồng).

[3]. Đối với tài sản trên đất gồm có: nhà cấp 4; nhà ở mái tôn; mái tôn hiên; sân gạch lá nem; sân gạch chỉ; sân bê tông lát vỉa xi măng; tường bao; nhà bếp; mái bếp; nhà tắm; giếng khơi; sân giếng; chuồng chăn nuôi; lưới B40; trụ cổng; cánh cổng sắt và cây cối lâm lộ trên đất nếu nằm trên phần diện tích đất của ai được hưởng thì người đó được sở hữu.

Các tài sản sinh hoạt trong gia đình các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu phân chia.

Đối với phần diện tích đất được tạm giao, các đương sự có nhu cầu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thực hiện thủ tục tại cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai.

[4]. Về chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền đo vẽ đất, thẩm định tài sản, định giá là 8.000.000 đồng. Ông H, bà T, anh H thống nhất thỏa thuận ông H chịu số tiền 4.000.000 đồng; bà T, anh H chịu số tiền 4.000.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ.

Bà T, anh H có trách nhiệm hoàn trả cho ông H số tiền 4.000.000 đồng.

[5]. Về án phí:

Ông Lương Văn H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.572.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 2.788.000 đồng tại biên lai thu số AA/2018/0006844 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền án phí là: 1.784.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị T, anh Lương Thái H chịu số tiền án phí là 5.562.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự; Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng